

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH THÁI NGUYÊN
Bản án số: 29/2024/HSST
Ngày: 30/ 5 /2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Dương Thị Thu Hằng
2. Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hoài – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Minh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa trực tuyến tại 02 điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2024/TLST - HS ngày 03 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 đối với:

1. **Bị cáo:** Triệu Phúc T, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 07/01/1991; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Xóm M, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Triệu Văn T1, sinh năm 1966; Con bà: Bàn Thị L, sinh năm 1968; Vợ: Đặng Thị T2, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Con: có 01 con sinh năm 2012; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ của Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Người chứng kiến:

2.1 Anh **Vũ Tuấn A**, sinh ngày 03/10/1993;

Nơi cư trú: **Xóm S, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**.

(Vắng mặt).

Những người tiến hành tố tụng tại điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên:

1. Ông **Nguyễn Nam T3** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Những người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:

1. Ông **Chu Văn B**

2. Ông **Nguyễn Việt H** - Cán bộ **Công an huyện Đ**, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 50 phút ngày 09/01/2024, tổ công tác đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an huyện Đ** phối hợp cùng **Công an xã H, huyện Đ** tiến hành tuần tra, kiểm soát trên địa bàn **xóm M, xã H, huyện Đ**, phát hiện một người đàn ông đang đi bộ trên đường có biểu hiện liên quan đến ma túy. Tổ công tác đã tiếp cận và yêu cầu kiểm tra. Người này chấp hành và khai nhận tên là **Triệu Phúc T** rồi tự giác lấy từ trong túi áo khoác ngoài bên phải của mình đang mặc ra 01(một) gói nhỏ được gói bằng mảnh giấy màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng giao nộp cho tổ công tác (T khai là **Heroine**). Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Hồi 15 giờ 00 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ** đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của **T**, kết quả: Không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tiến hành cân xác định khối lượng số chất bột màu trắng thu giữ của **T** là 0,260 gam và lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (ký hiệu A1).

Tại bản kết luận giám định số 203/KL – KTHS ngày 17/01/2024 của **Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T**, kết luận: Chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: **0,260 gam**.

Tại Cơ quan điều tra, **Triệu Phúc T** khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 09/01/2024, **T** một mình đi bộ từ nhà đến khu vực **chợ H2** thuộc **xóm S, xã H, huyện Đ** để tìm mua Heroine cho bản thân sử dụng. Đến nơi, **T** gặp 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ và hỏi mua của người này được

01 gói Heroine, với giá 200.000 đồng. Mua được Heroine, T cất dấu vào trong túi áo khoác ngoài bên phải mình đang mặc rồi đi bộ về nhà. Khi đến khu vực thuộc xóm M, xã H, huyện Đ thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 02 phong bì niêm phong ký hiệu A1 và LK. Hiện đang được bảo quản theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKSĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Triệu Phúc T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Triệu Phúc T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 106; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt bị cáo Triệu Phúc T từ 24 đến 30 tháng tù.

Về Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong ký hiệu A1 và LK

Về án phí: Buộc bị cáo Triệu Phúc T phải chịu 200.000đ đồng án phí Hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo Triệu Phúc T không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Triệu Phúc T đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, điều tra viên và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị **Triệu Phúc T** không yêu cầu được nhờ người bào chữa cho các bị cáo và cũng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo **Triệu Phúc T** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mô tả, lời khai nhận của **Triệu Phúc T** phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hồi 12 giờ 50 phút ngày 09/01/2024, tại khu vực **xóm M, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**, **Triệu Phúc T** đang có hành vi tàng trữ **0,260 gam** Heroine để sử dụng cho bản thân, thì bị **Công an huyện Đ** phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Bản cáo trạng số 24/CT-VKSĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố **Triệu Phúc T** về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Nội dung Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển ..., thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”

.....

c) Heroine, **Cocaine**, Methamphetamine.... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an địa phương. Bị cáo hoàn toàn có đủ nhận thức biết ma túy là chất cấm được nhà nước quản lý nhưng vẫn cố tình mua với mục đích

sử dụng cho bản thân. Tại phiên tòa bị cáo khai bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và kinh tế xã hội nhưng do bản thân mắc nghiện nên bị cáo đi mua ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo **Triệu Phúc T** không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy khi lượng hình cần lên một mức án nghiêm khắc, áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo **Triệu Phúc T** tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán để kiếm lời, mặt khác bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc ổn định, không có thu nhập gì nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với 02 phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: A1, LK là vật chứng của vụ án không có giá trị và giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo **Triệu Phúc T** phải chịu 200.000 đồng án hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước;

[7]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Triệu Phúc T** có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Các vấn đề khác: Về nguồn gốc số ma túy là **Heroine** bị thu giữ, bị cáo **Triệu Phúc T** khai mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể nên cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Đ** không có cơ sở điều tra, làm rõ để xử lý là đúng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;
- Các Điều 106, 136, 329, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo **Triệu Phúc T** phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo **Triệu Phúc T 24 (Hai mươi bốn)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **09/01/2024**.

- Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo **Triệu Phúc T 45** (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

* **Về Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy:

+ 01(Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: A1, bên trong có 0,250 gam Heroine và vỏ phong bì có ký hiệu A1.

+ 01(Một) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn ký hiệu: LK, bên trong có mảnh giấy màu trắng có chữ và 01(một) vỏ phong bì ký hiệu QT.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/4/2024 giữa **Công an huyện Đ** với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên*).

3. Án phí: Buộc bị cáo **Triệu Phúc T** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo **Triệu Phúc T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Hồng Thái

- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.